

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-7-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đính.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Kim Luyến;  
Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày yêu cầu:*

Chị D và anh Nguyễn Văn N thành hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống không hòa hợp xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N làm ăn có tiền không chăm lo cho gia đình, có lúc cũng đánh vợ, sự việc xảy ra từ năm 2016 và anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, gia đình

chính quyền địa phương có hòa giải nhưng không thành, hôn nhân duy trì không có hạnh phúc nên xin ly ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như A, sinh ngày 05/10/2006 (nữ), Nguyễn Phi L, sinh ngày 28/10/2010 (nam), hiện nay hai người con sống chung với mẹ và bà ngoại, thỉnh thoảng cũng về nội ở chung với cha, vì nhà cũng gần nhau.

Khi ly hôn theo nguyện của con, sống chung với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ phải thu và phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 12/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày ý kiến:*

Năm 2006 tôi và chị Bùi Thị D kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống có những bất hòa không hàn gắn được, chúng tôi sống ly thân 04 năm. Vì tôi không muốn con cái thiếu tình cảm cha mẹ, nên tôi không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ, xin vợ tôi cho tôi cơ hội để tôi bù đắp.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như A, sinh ngày 05/10/2006 (nữ), Nguyễn Phi L, sinh ngày 28/10/2010 (nam), hiện nay hai người con sống chung với mẹ và bà ngoại, thỉnh thoảng cũng về nội ở chung với cha, vì nhà cũng gần nhau.

Trường hợp ly hôn, thì theo nguyện vọng của con chung, con theo ai người đó nuôi dưỡng; không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ phải thu và phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn; con chung thì theo nguyện vọng của con, theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng; tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đồng ý ly hôn; con chung đồng ý theo nguyện vọng của con chung, không cấp dưỡng; tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn N thành hôn vào năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết

hôn số: 03, quyền số: 01/2006 cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006 của UBND thị trấn N, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo trình bày của chị D thì trong thời gian chung sống anh chị không có tiếng nói chung, ý kiến bất đồng, xảy ra hơn 04 năm, kéo dài cho đến nay và anh chị cũng sống ly thân 04 năm nay. Anh N xác nhận là anh chị có những bất hòa không tự hàn gắn được nên sống ly thân 04 năm. Vì không muốn các con thiếu tình cảm cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn xảy ra gia đình và chính quyền địa phương có hòa giải hàn gắn nhưng không thành, kéo dài từ năm 2016 đến nay, làm cho mâu thuẫn anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến sống ly thân, trong thời gian sống ly thân gần 04 năm cũng không có biện pháp hàn gắn; tại phiên tòa chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thỏa thuận về thuận tình ly hôn của anh chị không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như A, sinh ngày 05/10/2006 (nữ), Nguyễn Phi L, sinh ngày 28/10/2010 (nam), hiện nay hai người con sống chung với chị D bên nhà ngoại, khi ly hôn theo nguyện vọng con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Như A và cháu Phi L; cháu Như A có nguyện vọng sống chung với mẹ và cháu Phi L có nguyện vọng sống chung với cha nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Như A cho chị D trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phi L cho anh N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị D phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị D với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như A, sinh ngày 05/10/2006 (nữ) cho chị Bùi Thị D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc chị D giao cháu Nguyễn Phi L, sinh ngày 28/10/2010 (nam) cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị D phải chịu, chị D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007173 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí chị D đã nộp đủ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9*

*Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND TT N, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**